

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 9 – 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp hợp
đồng vay tài sản, yêu cầu đòi lại giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Mỹ Liên.
- Ông Mai Quốc Vũ.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Sự – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **N. V. H**, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Chị **P. T. M. C**, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ trụ sở: Số 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông **L. N. A.D** – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Trảng Bàng.

Địa chỉ: khu phố Hòa Bình, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bà **N. T. T**, sinh năm 1949; địa chỉ: khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

3. Bà **P. T. C**, sinh năm 1954; địa chỉ: khu phố XX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

4. Chị **P. B. N**, sinh năm 2002; địa chỉ: khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh N. V. H trình bày:

Anh và chị P. T. M. C chung sống với nhau khoảng từ tháng 8/2008 nhưng không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào tháng 11/2009 tại UBND xã Y, huyện Trảng Bàng (nay là phường Y, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi về sống chung một nhà, anh và chị C sinh sống tại nhà riêng của chị C thuộc khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Năm 2011, vợ chồng anh mua phần đất diện tích 274m² tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, sau đó, vợ chồng tu sửa lại căn nhà cấp 4 và chuyển qua căn nhà này sinh sống cho đến khi xảy ra mâu thuẫn.

Anh và chị C chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng về quan điểm, tính cách. Ngoài ra, chị C thường xuyên về nhà cha mẹ ruột ở và không thành thật với anh về tiền bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên anh về cha mẹ ruột tại khu phố A, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh sinh sống. Anh và chị C không còn sống chung một nhà từ tháng 11/2021 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh và chị C đều không có thiện chí đoàn tụ, vì vậy, nay anh yêu cầu được ly hôn với chị P. T. M. C.

Về con chung: anh và chị C có 01 con chung tên N. P. B. N, sinh ngày 23/12/2009, hiện cháu Ng đang sống với chị C. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ mười tám tuổi.

Về tài sản chung: trong quá trình chung sống anh và chị C có tạo lập được các tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 15m² thuộc thửa 441, tờ bản đồ số 120 tọa lạc tại phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 15m², diện tích sử dụng 30m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/12/2014 do anh và chị C đứng tên.

- Quyền sử dụng đất diện tích 442m² thuộc thửa 775, tờ bản đồ số 44 (đo đạc thực tế là 398,5m², giảm 43,5m² so với giấy chứng nhận QSD đất do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án đường liên kết nối vùng N8-787B-789) tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/7/2011 do anh và chị C đứng tên.

- Quyền sử dụng đất diện tích 436m² thuộc thửa 776, tờ bản đồ số 44 (đo đạc thực tế là 392,6m² giảm 43,4m² so với giấy chứng nhận QSD đất do Nhà nước thu

hồi để thực hiện dự án đường liên kết nối vùng N8-787B-789) tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/7/2011 do anh và chị C đứng tên.

- Quyền sử dụng đất diện tích 5.548,2m² thuộc các thửa 839, 859, 880, 914, 953, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 29/9/2017 do anh và chị C đứng tên.

- Quyền sử dụng đất diện tích 274m² thuộc thửa 659, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, trên đất có 01 căn nhà tường cấp 4, nền xi măng, mái tole. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/6/2010 do chị C đứng tên.

- 05 con bò gồm 02 con bò mẹ, 01 con bò lứa và 02 bò đực con. Anh H đã bán 05 con bò trên vào tháng 9/2022 được tổng cộng 62.000.000 đồng và tiêu xài hết. Nay anh H thống nhất 05 con bò trên trị giá 85.000.000 đồng.

- 01 xe Future II biển số 52 U4-4282 do bà N. T. T K đứng tên, 01 chiếc xe lôi cắt cỏ, 01 máy cắt cỏ, 01 máy mài, 01 motor hai đầu bơm, 01 chuồng bò ngang 03m, dài 06m.

Ngoài ra, vợ chồng anh còn số tiền bảo hiểm nhân thọ đứng tên anh H. Anh H đã rút số tiền bảo hiểm nhân thọ được 21.300.000 (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn) đồng. Anh xác định số tiền bảo hiểm nhân thọ cũng là tài sản chung của hai vợ chồng nhưng nay anh không yêu cầu chia số tiền bảo hiểm trên.

Nguồn tiền để nhận chuyển nhượng 05 phần đất nêu trên là tiền vợ chồng anh bán heo, bán bò, vay ngân hàng có được, tiền tích lũy của hai vợ chồng và tiền anh bán phần đất cha mẹ anh cho riêng anh lấy tiền mua bò sau đó bán bò lấy tiền mua đất.

Anh H thống nhất với kết quả định giá tài sản do Công ty Cổ phần thẩm định giá và đầu tư tài chính Bưu điện đã định giá và thống nhất với kết quả định giá của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng thành lập và định giá vào ngày 03/8/2023.

Nay anh H yêu cầu chia tài sản chung gồm 05 phần đất nêu trên (bao gồm cả căn nhà có diện tích xây dựng 15m², diện tích sử dụng 30m² xây trên phần đất diện tích 15m² thuộc thửa 441, tờ bản đồ số 120 tọa lạc tại phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà cấp 4 diện tích ngang 04m, dài 12,3m, 01 nhà vệ sinh diện tích ngang 02m, dài 03m, 01 cổng rào lưới B40, khung sắt ngang 03m, cao 02m xây trên phần đất diện tích 274m² thuộc thửa 659, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh) và 05 con bò trị giá 85.000.000 đồng. Các tài sản khác anh H không tranh chấp nên không yêu cầu chia.

Đối với phần đất diện tích 5.548,2m² anh H yêu cầu chia đôi quyền sử dụng đất bằng hiện vật cho anh và chị C. 02 phần đất thuộc thửa 775, 776 tại GT, HT mỗi người nhận 01 phần bằng hiện vật. Phần đất diện tích 15m² và căn nhà xây trên đất thuộc thửa 441 tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và phần đất diện tích ngang 274m² thuộc thửa 659 và căn nhà trên đất tại khu phố XXX, phường Y anh yêu cầu nhận bằng hiện vật, anh sẽ thanh toán giá trị nhà và đất cho chị C. Trường

hợp Tòa án giao hiện vật là nhà và đất thuộc thửa thửa 441 và thửa 659 cho chị C thì anh H yêu cầu chị C thanh toán bằng giá trị cho anh H.

05 con bò trị giá 85.000.000 đồng, anh H đã bán nên nay anh H đồng ý thanh toán lại cho chị C số tiền 42.500.000 đồng.

- Về nợ chung: anh H trình bày anh và chị C không có nợ chung với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Toàn bộ bản gốc 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên chị C đã giao cho bà P. T. C giữ nên nay anh H yêu cầu bà P. T. C trả lại cho anh và chị C bản gốc 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 836577, Sổ vào sổ cấp GCN: CH05893 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp ngày 06/7/2011 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 836576, Sổ vào sổ cấp GCN: CH05892 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp ngày 06/7/2011 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 069034, Sổ vào sổ cấp GCN: CH05725 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp ngày 15/6/2010 cho bà P. T. M. C.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 436445, Sổ vào sổ cấp GCN: CS14210 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/9/2017 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 520456, Sổ vào sổ cấp GCN: CH14879 do UBND quận Bình Tân cấp ngày 25/12/2014 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn – chị P. T. M. C trình bày:

Chị và anh H về sống chung một nhà từ tháng 4/2009, có làm lễ ra mắt nhỏ trước cơ quan và gia đình, đến tháng 11/2009 thì đăng ký kết hôn, tháng 12/2009 chị sinh cháu B. Ng. Khi về sống chung một nhà, chị và anh H sinh sống tại căn nhà của chị với chồng trước. Năm 2008, chị có mua phần đất diện tích 274m² tại khu phố XXX, phường Y nên khi chị và anh H về sống chung, chị đã tu sửa nhà để vợ chồng chuyển về đó sinh sống. Chị và anh H chung sống đến ngày 03/11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chung thủy, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã cho anh H rất nhiều cơ hội nhưng anh H không thay đổi được. Sau khi kết thúc mối quan hệ với người phụ nữ này thì anh H lại tiếp tục mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: chị và anh H có 01 người con chung như anh H trình bày. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. P. B. N, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ mười tám tuổi nên chị C đồng ý.

Về tài sản chung: trong thời gian chung sống, chị và anh H không có tài sản

chung gì, toàn bộ các tài sản anh H trình bày ở trên là tài sản riêng của chị, do chị tạo lập. 05 con bò mà anh H trình bày có 01 con bò mẹ và 01 con bò con là tài sản riêng của cháu P. B. N, 03 con bò còn lại là tài sản riêng của chị.

Nguồn tiền chị mua 02 con bò mẹ và 01 con bò con từ tiền dạy học của chị. Nguồn tiền mua 01 con bò mẹ và 01 con bò con của cháu N là tiền lì xì tết của cháu N trong nhiều năm. Chị C thống nhất 05 con bò trên trị giá 85.000.000 đồng. Trong đó, 01 con bò đực con của cháu N giá 15.000.000 đồng, 01 con bò mẹ của cháu N giá 28.000.000 đồng, 03 con bò của chị, chị thống nhất giá chung là 42.000.000 đồng.

Nguồn tiền tạo lập 05 phần đất trên là do trước đó cha chị cho chị một phần đất diện tích ngang 06m, dài 50m, chị bán phần đất đó được 05 cây 01 chỉ vàng SJC để mua một phần đất tại khu phố XXX, phường Y vào năm 2006 (giấy đất một mình chị đứng tên). Năm 2006, chị bán phần đất này được 169.000.000 đồng. Chị sử dụng số tiền này mua căn nhà của anh T. V. V và chị T. T. T với giá 240.000.000 đồng, chị đặt cọc số tiền 140.000.000 đồng nhưng không ra được giấy đất nên anh V, chị T bồi thường cho chị số tiền 219.702.000 đồng (chị khởi kiện ra Tòa án và nhận được tiền thi hành án vào ngày 07/10/2009). Chị sử dụng số tiền bồi thường này mua phần đất ruộng tại khu phố GT, phường HT gồm 02 thửa 775, 776, tờ bản đồ số 44 với giá 100.000.000 đồng (cả 02 thửa). Số tiền còn lại khoảng 120.000.000 đồng, chị vay mượn thêm của bà P. T. C 300.000.000 đồng làm vốn để mua căn nhà diện tích 15m² của bà N. T. M tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 250.000.000 đồng. Chi phí sửa sang nhà, nâng nền, thuê người làm giấy tờ đất, đóng tiền chính trang đô thị cộng với tiền mua nhà hết tổng cộng số tiền 350.000.000 đồng. Sau đó, anh H bị bệnh nên chị có vay quỹ lương của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Khu Công nghiệp Trảng Bàng số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để điều chỉnh thông tin địa chỉ thửa đất và số căn cước công dân trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2021, anh H có đặt cọc mua 01 con bò với giá 19.300.000 đồng nhưng chưa có tiền để trả nên chị phải vay mẹ ruột của chị là bà N. T. T 05 chỉ vàng SJC. Chị bán 05 chỉ vàng được số tiền 20.000.000 đồng, trả tiền mua bò 19.300.000 đồng, bỏ nọc bò 400.000 đồng, mua cám bò hết tổng cộng 20.000.000 đồng. Sau đó, chị vay Ngân hàng Nông nghiệp, vay quỹ lương giáo viên để mua phần đất diện tích 5.548,2m² thuộc các thửa 839, 859, 880, 914, 953, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của anh N. V. D với giá 280.000.000 đồng, mục đích để trồng cỏ cho bò ăn. Lúc này anh H không đồng ý mua nhưng chị vẫn vay tiền ngân hàng để mua, chị chỉ nhờ anh H ký tên thế chấp tài sản để vay tiền ngân hàng. Chi phí làm giấy tờ và mua đất hết tổng cộng 300.000.000 đồng. Sau đó, chị vay cô ruột của chị là bà P. T. C số tiền 500.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng đã vay mua đất và phụ thêm tiền sửa nhà, xây nhà vệ sinh và chi phí sinh hoạt trong nhà. Tổng số tiền chị vay bà C là 800.000.000 đồng. Phần đất diện tích 274m² thuộc thửa 237, tờ bản đồ 57 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc do chị mua của anh P. M. N vào năm 2008 nhưng đến năm 2010 chị mới giao đủ tiền và làm thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này chị mua với giá 70.000.000 đồng. Chị bắt đầu trả tiền cho anh N từ năm 2008 đến năm 2010 mới thanh toán hết tiền. Nguồn tiền mua đất là tiền chị chơi hụi, đi dạy thêm, buôn bán bất động sản và trả dần. Mặc dù giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất chị được cấp năm 2010 nhưng thời điểm này anh H cũng biết phần đất này là tài sản riêng của chị nên anh H đồng ý để một mình chị đứng tên.

Chị C thống nhất với kết quả định giá mà Hội đồng định giá và Công ty Cổ phần thẩm định giá và đầu tư tài chính Bưu điện đã định. Nay đối với yêu cầu chia tài sản của anh H thì chị C có ý kiến như sau: toàn bộ 05 phần đất trên là tài sản riêng của chị nên chị yêu cầu nhận bằng hiện vật toàn bộ 05 phần đất và 02 căn nhà trên đất, chị tự nguyện hỗ trợ cho anh H số tiền 650.000.000 đồng để anh H có vốn làm ăn, sinh sống và dưỡng già.

Đối với 05 con bò anh H đã bán, chị yêu cầu anh H trả lại cho cháu P. B. N số tiền 43.000.000 đồng và trả lại cho chị số tiền 42.000.000 đồng.

Đối với số tiền bảo hiểm nhân thọ anh H đã rút được bao nhiêu chị không biết nhưng số tiền chị đã đóng là 32.318.400 đồng. Nay chị yêu cầu anh H trả lại toàn bộ số tiền 32.318.400 đồng cho chị để chị nuôi con.

Đối với các tài sản gồm 01 xe Future II biển số 52 U4-4282 do bà N. T. T K đứng tên, 01 chiếc xe lôi cắt cỏ, 01 máy cắt cỏ, 01 máy mài, 01 motor hai đầu bơm, 01 chuồng bò ngang 03 m, dài 06m, 01 cây bông trang 07 năm tuổi, 05 bụi chuối, 09 cây tràm, 01 cây cao su chị C không tranh chấp.

Về nợ chung: nợ mẹ ruột chị là bà N. T. T trú tại khu phố XXX, phường Y 05 chỉ vàng thẻ SJC; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Trảng Bàng số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng; nợ bà P. T. C số tiền 800.000.000 đồng. Mục đích chị vay tiền ngân hàng chính sách để đóng tiền học cho con. Mục đích chị vay tiền của bà C để trả tiền nợ ngân hàng khi chị mua 04 phần đất sau này (không tính phần đất diện tích 274m² chị mua từ năm 2008). 05 chỉ vàng SJC chị mượn của mẹ chị để trả tiền mua bò. Nay chị C yêu cầu chia đôi các khoản nợ chung nêu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà N. T. T trình bày:

Bà là mẹ ruột của chị P. T. M. C. Chị C có mượn của bà 05 chỉ vàng thẻ SJC để trả tiền mua bò, khi mượn không làm giấy tờ gì, không thỏa thuận thời hạn trả. Nay anh H, chị C ly hôn thì phải có trách nhiệm trả 05 chỉ vàng trên cho bà nhưng bà không đồng ý làm đơn khởi kiện vì chị C là con ruột của bà nên bà không muốn làm đơn khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà P. T. C trình bày:

Bà là cô ruột của chị C. Chị C có vay của bà số tiền 800.000.000 đồng để mua đất, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận khi nào chị C bán đất thì trả thêm cho bà. Khi vay tiền chị C có thể chấp cho bà bản gốc 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Nay bà yêu cầu anh H, chị C trả cho bà số tiền 800.000.000 đồng nêu trên. Sau khi anh H, chị C trả hết tiền cho bà thì bà trả lại bản gốc 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H, chị C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị P. B. N trình bày:

Chị là con ruột của chị C, anh H là chồng sau của mẹ chị. Trong 05 con bò mà

anh H đem đi bán vào năm 2021 có 01 con bò mẹ đã mang thai 05 tháng tuổi và 01 con bò đực 06 tháng tuổi là tài sản của chị. Nguồn gốc con bò mẹ và con bò con là tiền lì xì của chị, chị đưa tiền nhờ anh H, chị C mua hộ cho chị và nhờ cha mẹ nuôi hộ những lúc chị không có ở nhà. Nay chị yêu cầu anh H trả lại cho chị số tiền 43.000.000 đồng bằng với số tiền mà anh H đã bán 02 con bò của chị nhưng chị không đồng ý làm đơn khởi kiện.

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 08/6/2023, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Chính sách xã hội – ông Lê Nguyễn Anh Huy trình bày:

Vào ngày 20/3/2022 và ngày 20/10/2022, chị C có vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Trảng Bàng với tổng số tiền là 65.000.000 đồng, sản phẩm vay là học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, lãi suất 6,600%/năm, lãi suất nợ quá hạn 8,580%/năm, hạn trra nợ cuối cùng là ngày 20/5/2030. Tính đến ngày 15/9/2023, chị C còn nợ số tiền gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi phải trả là 236.850 đồng. Nay Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Trảng Bàng yêu cầu chị C và anh H cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/9/2023 tổng cộng là 65.236.850 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ các điều 33, 37, 55, 59, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình 2014; các điều 105, 115, 166, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 3 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N. V. H và chị P. T. M. C.

2. Về con chung: Giao cháu N. P. B. N, sinh ngày 23/12/2009 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Ng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ mười tám tuổi.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh N. V. H đối với chị P. T. M. C, chia tài sản chung theo quy định pháp luật đối với các tài sản, gồm:

- Phần đất diện tích 15m² thửa 441, TĐĐ 120 tọa lạc tại 16/17/2, đường số 9, Khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh trên đất có căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 15m², diện tích sử dụng 30m². Giấy CNQSD đất số CH14879 do UBND quận Bình Tân cấp ngày 25/12/2014 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

- Phần đất diện tích 398,5m² thửa 775, TĐĐ 44 tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giấy CNQSD đất số CH05893 do UBND thị xã Trảng Bàng cấp ngày 06/7/2011 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

- Phần đất diện tích 392,6m² thửa 776, TĐĐ 44 tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giấy CNQSD đất số CH05892 do UBND thị xã Trảng Bàng cấp ngày 06/7/2011 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

- Phần đất diện tích 5.548,2m² thuộc các thửa 839, 859, 880, 914, 953 TĐĐ 44 tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giấy CNQSD đất số CS14210 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/9/2017 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

- Phần đất diện tích 274m² thuộc thửa 659, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, trên đất có 01 căn nhà tường cấp 4, nền xi măng, mái tole. Giấy CNQSD đất số CH05725 do UBND thị xã Trảng Bàng cấp ngày 15/6/2010 cho bà P. T. M. C.

- 05 con bò trị giá 85.000.000 đồng. Ghi nhận anh H đồng ý thanh toán cho chị C 42.500.000 đồng tiền bán 05 con bò.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh N. V. H và chị P. T. M. C. Anh H, chị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc và lãi đến ngày 15/9/2023 là 65.236.850 đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N. V. H về yêu cầu trả giấy CNQSD đất đối với bà P. T. C. Buộc bà C phải trả lại 05 bản chính các giấy CNQSD đất nêu trên cho anh H, chị C.

6. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Trí, bà C, chị N và Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị C đăng ký kết hôn năm 2009, do tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh H trình bày vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng về quan điểm, tính cách. Chị C cũng thống nhất vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 do anh H không chung thủy, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh H và chị C là có thật và đã kéo dài từ năm 2021 cho đến nay nhưng anh, chị vẫn không hàn gắn được. Hiện tại vợ chồng cũng không còn sống chung một nhà. Tại buổi hòa giải ngày 26/8/2023, anh H và chị C đều thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 01 người con chung tên N. P. B. N, sinh ngày 23/12/2009, hiện đang sống chung với chị C. Tại phiên hòa giải, anh H và chị C thống nhất thỏa thuận giao cháu Ng cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Qua tham

khảo ý kiến của cháu Ng thì cháu Ng cũng có nguyện vọng được sống với chị C. Vì vậy, giao cháu Ng cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày 15/9/2023 cho đến khi cháu Ng đủ mười tám tuổi.

[4] Về tài sản chung: xét yêu cầu chia tài sản chung của anh H thấy rằng:

[4.1] Anh H cho rằng 05 phần đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng, chị C lại cho rằng 05 phần đất nêu trên là tài sản riêng của chị, nguồn gốc tài sản từ tiền dạy học của chị, tiền làm thêm, làm môi giới nhà đất và tiền do chị bán tài sản riêng trước khi kết hôn với anh H. Tuy nhiên, căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì các thu nhập hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân đều là tài sản chung của vợ chồng và lao động của vợ chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập. Ngoài ra, căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kết quả sao lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các phần đất trên đều được cấp trong thời kỳ hôn nhân của anh H và chị C và đều do anh H, chị C cùng đứng tên nên căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở xác định đây là tài sản chung của chị C và anh H. Đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa 659, tờ bản đồ số 37 mặc dù do một mình chị C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 15/6/2010 trong khi chị C và anh H đăng ký kết hôn ngày 10/11/2009. Sau khi chị C và anh H đăng ký kết hôn thì chuyển về sinh sống trên phần đất thuộc thửa 659 nêu trên cho đến khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và có sử dụng quyền sử dụng đất này để thế chấp ngân hàng vay vốn. Như vậy, chị C đã đồng ý đưa tài sản trên vào sử dụng chung trong gia đình. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì quyền sử dụng đất thuộc thửa 659, tờ bản đồ số 37 cũng là tài sản chung của chị C và anh H. Vì vậy, nay anh H yêu cầu chia đôi các tài sản nêu trên là phù hợp.

[4.2] Kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 15m² thửa 441, TĐĐ 120 tọa lạc tại 16/17/2, đường số 9, Khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh trên đất có căn nhà gồm 1 trệt + lửng, sàn gỗ + BTCT + mái tôn, diện tích xây dựng 15m², diện tích sử dụng 30m² có giá 1.281.249.000 đồng.

- Quyền sử dụng đất diện tích 398,5m² thửa 775, TĐĐ 44 tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có giá 1.360.068.545 đồng. Tài sản trên đất không có.

- Quyền sử dụng đất diện tích 392,6m² thửa 776, TĐĐ 44 tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có giá 1.339.932.022 đồng. Tài sản trên đất không có.

- Phần đất diện tích 5.548,2m² thuộc các thửa 839, 859, 880, 914, 953 TĐĐ 44 tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có giá 943.194.000 đồng. Tài sản trên đất gồm 09 cây trà vàng và 01 cây cao su anh H và chị C không tranh chấp.

- Quyền sử dụng đất diện tích 274m² thuộc thửa 659, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có giá 477.259.776 đồng. Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà tường xây tô, nền gạch men, mái tole diện

tích ngang 04m, dài 12,3m có giá 47.674.800 đồng; 01 nhà vệ sinh xây tô, nền xi măng, mái tole diện tích ngang 02m, dài 03m có giá 5.958.000 đồng; 01 cửa cổng rào lưới B40, khung sắt ngang 03m, cao 02m có giá 585.000 đồng. Các tài sản khác gồm 01 cây bông trang, 05 bụi chuối anh H và chị C không tranh chấp. Tổng trị giá tài sản là 531.477.576 đồng.

[4.3] 05 phần đất trên thuộc 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu chia bằng hiện vật của anh H là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, khi chia bằng hiện vật có tính công sức đóng góp của mỗi bên trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Do chị C có công sức đóng góp nhiều hơn nên cần chia cho chị C phần đất có giá trị hơn mà không cần thanh toán giá trị chênh lệch. Tài sản được chia như sau:

Chị C được quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 15m² thuộc thửa 441, TĐĐ 120 tọa lạc tại 16/17/2, đường số 9, Khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh trên đất có căn nhà gồm 1 trệt + lửng, sàn gỗ + BTCT + mái tôn, diện tích xây dựng 15m², diện tích sử dụng 30m².

- Quyền sử dụng đất diện tích 442m² thuộc thửa 775, tờ bản đồ số 44 (đo đạc thực tế là 398,5m²) tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 274m² thuộc thửa 659, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và 01 căn nhà tường xây tô, nền gạch men, mái tole diện tích ngang 04m, dài 12,3m; 01 nhà vệ sinh xây tô, nền xi măng, mái tole diện tích ngang 02m, dài 03m; 01 cửa cổng rào lưới B40, khung sắt ngang 03m, cao 02m.

Anh H được quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 436m² thuộc thửa 776, tờ bản đồ số 44 (đo đạc thực tế là 392,6m²) tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 5.548,2m² thuộc các thửa 839, 859, 880, 914, 953, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[4.4] Đối với 05 con bò, chị C cho rằng có 01 con bò mẹ và 01 con bò con là tài sản riêng của cháu P. B. N, 03 con bò còn lại là tài sản riêng của chị nên chị C yêu cầu anh H trả lại cho cháu P. B. N số tiền 43.000.000 đồng và trả lại cho chị số tiền 42.000.000 đồng. Qua làm việc với chị N thì chị N trình bày 01 con bò mẹ và 01 con bò con là tài sản riêng của chị, anh H đã tự ý bán nên chị cũng yêu cầu anh H trả lại cho chị số tiền 43.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị N không làm đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của chị. 05 con bò trên cũng là tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H và chị C nên cũng là tài sản chung của vợ chồng. Anh H, chị C thống nhất 05 con bò trị giá 85.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và chia đôi giá trị 05 con bò, mỗi người được hưởng 42.500.000 đồng. Anh H đã bán 05 con bò và giữ tiền nên anh H có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị C số tiền 42.500.000 đồng. Ghi nhận anh H đã quản lý, sử dụng ½ tài sản chung là 05 con bò trị giá 42.500.000 đồng.

Như vậy, tài sản anh H được chia tổng trị giá 1.339.932.022 đồng + 943.194.000 đồng + 42.500.000 đồng = 2.325.626.022 đồng, làm tròn là 2.325.626.000 đồng.

Tài sản chị C được chia tổng trị giá 1.281.249.000 đồng + 1.360.068.545 đồng + 531.477.576 đồng + 42.500.000 đồng = 3.215.295.121 đồng, làm tròn là 3.215.295.000 đồng.

[4.5] Các tài sản khác gồm 01 xe Future II biển số 52 U4-4282, 01 chiếc xe lôi cật cỏ, 01 máy cật cỏ, 01 máy mài, 01 motor hai đầu bơm, 01 chuồng bò ngang 03 m, dài 06m, 01 cây bông trang 07 năm tuổi, 05 bụi chuối, 09 cây tràm, 01 cây cao su, tiền bảo hiểm nhân thọ các đương sự không tranh chấp và không có đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: ngày 20/3/2022, chị C vay Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh số tiền 25.000.000 đồng, ngày 20/10/2022 vay số tiền 40.000.000 đồng, tổng cộng số tiền chị C vay Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh là 65.000.000 đồng. Mục đích vay để đóng học phí cho con. Căn cứ sổ vay vốn và sổ lưu trữ tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh nhận thấy, khoản vay của chị C dành cho đối tượng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nên đây là giao dịch hợp pháp là được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H và chị C. Vì vậy, anh H phải có nghĩa vụ cùng chị C trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2023 là 65.236.850 đồng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong đó, chị C có nghĩa vụ trả số tiền 32.618.425 đồng, làm tròn là 32.618.000 đồng, anh H có nghĩa vụ trả số tiền 32.618.425 đồng, làm tròn là 32.618.000 đồng.

[6] Ngoài ra, chị C trình bày vợ chồng còn nợ mẹ ruột chị là bà N. T. T 05 chỉ vàng thẻ SJC; nợ bà P. T. C số tiền 800.000.000 đồng. Tòa án đã làm việc với bà T, bà C và ấn định thời gian cho bà T, bà C nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về số tiền trên nhưng bà T, bà C không nộp đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp thì bà T, bà C có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Chị N có yêu cầu anh H trả lại số tiền 43.000.000 đồng nhưng không nộp đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp thì chị N có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Xét yêu cầu trả 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H thấy rằng: bà C thừa nhận khi cho chị C vay số tiền 800.000.000 đồng bà có giữ bản gốc 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của chị C để làm tin, sau khi chị C trả tiền cho bà thì bà sẽ trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị C. Xét việc thế chấp không tuân thủ quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm và không có sự đồng ý của đồng sử dụng quyền sử dụng đất là anh H. Do đó, bà C có nghĩa vụ trả lại cho chị C, anh H bản gốc 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[9] Về án phí:

[9.1] Do anh H, chị C đã thoả thuận tự nguyện ly hôn ở giai đoạn hoà giải nên anh, chị chỉ phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn tức 150.000 đồng.

Anh H tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9.2] Anh H và chị C đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng ở giai đoạn hòa giải nên anh H phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[9.3] Anh H, chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, án phí được tính như sau:

Anh H phải chịu: 72.000.000 đồng + (325.626.000 đồng x 2%) = 78.512.520 đồng, làm tròn là 78.512.000 (Bảy mươi tám triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng.

Chị C phải chịu: 72.000.000 đồng + (1.215.295.000 đồng x 2%) = 96.305.900 đồng, làm tròn là 96.306.000 (Chín mươi sáu triệu ba trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

[9.4] Anh H tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9.5] Anh H, chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ chung là 3.262.000 đồng, trong đó, chị C phải chịu 1.631.000 đồng, anh H phải chịu 1.631.000 đồng.

Như vậy, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng + 150.000 đồng + 78.512.000 đồng + 300.000 đồng + 1.631.000 đồng = 80.743.000 (Tám mươi triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn) đồng.

Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 96.306.000 đồng + 1.631.000 đồng = 97.937.000 (Chín mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

[10] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 19.000.000 đồng. Anh H, chị C mỗi người phải chịu 8.000.000 đồng. Anh H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên chị C có nghĩa vụ trả lại cho anh H số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

[11] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 27, 33, 55, 59, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010.

Căn cứ các điều 166, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N. V. H và chị P. T. M. C.

2. Về con chung: giao cháu N. P. B. N, sinh ngày 23/12/2009 cho chị P. T. M. C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ng số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày 15/9/2023 cho đến khi cháu Ng đủ mười tám tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Anh N. V. H được quyền sử dụng các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 392,6m² thuộc thửa 776, tờ bản đồ số 44 (BĐ 2005) tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 836576, Sổ vào sổ cấp GCN: CH05892 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp ngày 06/7/2011 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C, có tứ cận:

Phía Đông giáp Đường 787B nhựa dài 05m;

Phía Tây giáp thửa 234 dài 05m;

Phía Nam giáp thửa 777 dài 79,02m;

Phía Bắc giáp thửa 775 dài 79,52m.

(có sơ đồ kèm theo).

- Quyền sử dụng đất diện tích 5.548,2m² thuộc các thửa 839, 859, 880, 914, 953, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 436445, Sổ vào sổ cấp GCN: CS14210 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/9/2017 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C, có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa 815 dài 5,52m + thửa 840 dài 9,45m + 2,30m + thửa 841 dài 11,95m + 4,19m + thửa 881 dài 20,47m + thửa 932 dài 44,56m + 34,07m + 1,59m + thửa 954 dài 13,52m;

Phía Tây giáp thửa 838 dài 10,90m + 3,09m + 4,70m + giáp thửa 858 dài 5,60m + 6,16m + 5,00m + giáp thửa 879 dài 3,40m + 15,50m + giáp thửa 898 dài + 5,14m + 5,85m + 3,00m + 13,11m + giáp thửa 931 dài 13,13m + 15,61m + 24,05m + giáp suối Ba Nàng dài 6,50m + 4,40m + 1,02m + 7,62m + 7,70m + 1,98m;

Phía Nam giáp suối Ba Nàng dài 6,49m + 16,24m + 0,88m;

Phía Bắc giáp thửa 814 dài 4,46m + 25,75m.

(có sơ đồ kèm theo).

3.2. Chị P. T. M. C được quyền sử dụng các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 15m² thuộc thửa 441, tờ bản đồ số 120 tọa lạc tại 16/17/2, Đường số 9, Khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 15m², diện tích sử dụng 30m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 520456, Sổ vào sổ cấp GCN: CH14879 do UBND quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2014 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

- Quyền sử dụng đất diện tích 398,5m² thuộc thửa 775, tờ bản đồ số 44 (BĐ 2005) tọa lạc tại khu phố GT, phường HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh theo

Giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 836577, Số vào sổ cấp GCN: CH05893 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp ngày 06/7/2011 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C, có tứ cận:

Phía Đông giáp Đường 787B nhựa dài 05m;

Phía Tây giáp thửa 234 dài 05m;

Phía Nam giáp thửa 776 dài 79,52m;

Phía Bắc giáp thửa 772 dài 80,02m.

(có sơ đồ kèm theo).

- Quyền sử dụng đất diện tích 274m² thuộc thửa 237, tờ bản đồ số 57 (BĐ 2001), chuyển lưới 2005 thuộc thửa 659, tờ bản đồ 37 tọa lạc tại khu phố XXX, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 069034, Số vào sổ cấp GCN: CH05725 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp ngày 15/6/2010 cho bà P. T. M. C, có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa 660 dài 06m;

Phía Tây giáp đường nhựa dài 06m;

Phía Nam giáp thửa 659 dài 45,50m;

Phía Bắc giáp thửa 785 dài 45,50m.

(có sơ đồ kèm theo).

Và tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà tường xây tô, nền gạch men, mái tole diện tích ngang 04m, dài 12,3m; 01 nhà vệ sinh xây tô, nền xi măng, mái tole diện tích ngang 02m, dài 03m; 01 cửa cổng rào lưới B40, khung sắt ngang 03m, cao 02m.

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 836576, Số vào sổ cấp GCN: CH05892 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp ngày 06/7/2011; số CL 436445, Số vào sổ cấp GCN: CS14210 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/9/2017; số BX 520456, Số vào sổ cấp GCN: CH14879 do UBND quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2014; số BG 836577, Số vào sổ cấp GCN: CH05893 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp ngày 06/7/2011 cho các đương sự theo quyết định của bản án.

3.3. Anh N. V. H có nghĩa vụ thanh toán cho chị P. T. M. C số tiền 42.500.000 (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Anh N. V. H, chị P. T. M. C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tây Ninh số tiền 65.236.850 (Sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi) đồng. Trong đó, chị C có nghĩa vụ trả số tiền 32.618.000 đồng, anh H có nghĩa vụ trả số tiền 32.618.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Buộc bà P. T. C có nghĩa vụ trả cho chị P. T. M. C, anh N. V. H bản gốc 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 836577, Sổ vào sổ cấp GCN: CH05893 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp ngày 06/7/2011 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 836576, Sổ vào sổ cấp GCN: CH05892 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp ngày 06/7/2011 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 069034, Sổ vào sổ cấp GCN: CH05725 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp ngày 15/6/2010 cho bà P. T. M. C.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 436445, Sổ vào sổ cấp GCN: CS14210 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/9/2017 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 520456, Sổ vào sổ cấp GCN: CH14879 do UBND quận Bình Tân cấp ngày 25/12/2014 cho ông N. V. H và bà P. T. M. C.

6. Về án phí: anh H phải chịu 80.743.000 (Tám mươi triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 18.225.000 (Mười tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026667 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, anh H còn phải nộp thêm 62.518.000 (Sáu mươi hai triệu năm trăm mười tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị C phải chịu 97.937.000 (Chín mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về chi phí tố tụng: chị C có nghĩa vụ trả lại cho anh H số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

8. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

9. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân phường Y;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Yến